

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/7/2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Phương;
- 2 Ông Phan Ngọc Quế.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp A2, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Anh Đặng Văn P, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp A2, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị N trình bày: Giữa chị N với anh P do người lớn mai mối, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên anh, chị tiến tới hôn nhân vào năm 2011. Chị N với anh P có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 34/HT, quyển số I/2013, ngày 11/4/2013. Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2021 thì hai người không còn sống chung đến nay. Nguyên nhân do tính tình

không hợp, sống không hiểu nhau, do anh P ghen tuông vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm chị N, nhiều lần đuổi chị N ra khỏi nhà. Chị N nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc. Chị N xin được ly hôn với anh P

- Về con chung: Chị N với anh P có với nhau một đứa con chung tên Đặng Nguyên B, sinh ngày 01/9/2015 hiện đứa con đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Giữa chị N với anh P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa chị N với anh P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không lý do.

*Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 của bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột anh Đặng Văn P cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị N với anh P thể hiện:* Anh Đặng Văn P với chị Phạm Thị N do người lớn mai mối, hai người đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau thì anh P với chị N sống tại nhà bà T được 02 năm thì xin ra ở riêng, bà T cho vợ chồng anh P một nền đất đối diện nhà bà T phía bên kia đường, chị N và anh P cất căn nhà gỗ tạp, kết cấu nhà sàn nóng đá, vách tole, lợp tole ngang 4m, dài 8m. Từ năm 2018 chị N với anh P lên Bình Dương làm công nhân. Đến đầu năm 2021 thì chị N với anh P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P bắt gặp chị N nhắn tin điện thoại với người đàn ông khác nên xảy ra xung đột. Anh P có đánh chị N, kể từ đó anh P với chị N không còn sống chung đến nay. Anh P có năn nỉ nhưng chị N không đồng ý. Từ năm 2018 đến nay chị N không về địa phương. Chị N với anh P có với nhau một đứa con tên Đặng Thiên B, sinh năm 2015 đang sống với chị N. Theo bà T, do chị N với anh P không về sống với nhau nhiều năm nay. Tòa cho ly hôn là hợp lý.

*Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 Công an xã A cung cấp:* Anh Đặng Văn P, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, ấp Tân Hậu A 2, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện anh P vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, vào dịp lễ, tết và tết hàng năm anh P có về địa phương.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh P vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 18/5/2022 của bà Nguyễn Thị T và Công an xã A, biên bản không lấy được lời khai anh P ngày 18/5/2022 của Tòa án.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu, anh P vắng mặt,

Chị N xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh P không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Phạm Thị N với anh Đặng Văn P có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2021 giữa chị N và anh P có phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm. Chị N và anh P đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N với anh P có 01 con chung tên Đặng Nguyên B, sinh ngày 01/9/2015 đề nghị giao con cho chị N nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Chị Phạm Thị N khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Đặng Văn P, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp A2, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

*Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 Công an xã A cung cấp:* Anh Đặng Văn P, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, ấp Tân Hậu A 2, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện anh P vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, vào dịp đổ, lễ và tết hàng năm anh P có về địa phương.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Đặng Văn P vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

#### *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N với anh Đặng Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34/HT, quyển số I/2013, ngày 11/4/2013. Xét, hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp.

Chị N khai, Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2021 thì hai người không còn sống chung đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, sống không hiểu nhau, do anh P ghen tuông vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm chị N, nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà. Chị N nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc. Chị N xin được ly hôn với anh P.

*Biên bản xác minh ngày 18/5/2022 của bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột anh Đặng Văn P cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị N với anh P thể hiện:* Anh Đặng Văn P với chị Phạm Thị N do người lớn mai mối, hai người đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau thì anh P với chị N sống tại nhà bà T được 02 năm thì xin ra ở riêng, bà T cho vợ chồng anh P một nền đất đối diện nhà bà T phía bên kia đường, chị N và anh P cất căn nhà gỗ tạp, kết cấu nhà sàn nóng đá, vách tole, lợp tole ngang 4m, dài 8m. Từ năm 2018 chị N với anh P lên Bình Dương làm công nhân. Đến đầu năm 2021 thì chị N với anh P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P bắt gặp chị N nhắn tin điện thoại với người đàn ông khác nên xảy ra xung đột. Anh P có đánh chị N, kể từ đó anh P với chị N không còn sống chung đến nay. Anh P có năn nỉ nhưng chị N không đồng ý. Từ năm 2018 đến nay chị N không về địa phương. Chị N với anh P có với nhau một đứa con tên Đặng Thiên B, sinh năm 2015 đang sống với chị N. Theo bà T, do chị N với anh P không về sống với nhau nhiều năm nay. Tòa cho ly hôn là hợp lý.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị N với anh P có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị N với anh P đã sống xa cách nhau từ năm 2021 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị N ly hôn đối với anh P.

[3] Về con chung: Chị N với anh P có với nhau một đứa con chung tên Đặng Nguyên B, sinh ngày 01/9/2015 hiện đứa con đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét, giao cháu Đặng Nguyên B, sinh ngày 01/9/2015, cho chị N nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng cháu Nguyên B muốn được sống với chị N.

Chị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu anh Đặng Văn P cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, giữa hai người có tài sản, nợ chung thì anh P vẫn có quyền khởi kiện chị Phạm Thị N yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006125 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Đặng Văn P không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn P;

Giấy chứng nhận kết hôn số 34/HT, quyền số I/2013, ngày 11/4/2013 do UBND xã A, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị N với anh Đặng Văn P không còn giá trị pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Nguyên B, sinh ngày 01/9/2015, cho chị Phạm Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị N cùng gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đặng Văn P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu anh Đặng Văn P cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, giữa hai người có tài sản, nợ chung thì

anh P vẫn có quyền khởi kiện chị Phạm Thị N yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

- Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006125 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Đặng Văn P không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Đặng Văn P là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã A
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Minh**